

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294 /2021/DS-PT

Ngày 14 - 12 - 2021

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Ông Trương Vĩnh Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 567/2020/TLPT-DS ngày 25/12/2020 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 675/2021/QĐ-PT ngày 29/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Hoàng P, sinh năm 1950 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố Mỹ Đ, thị trấn Mỹ P, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Hoàng P:
Anh Phạm Hùng V, sinh năm 1976 (có mặt) (Giấy ủy quyền ngày 22/3/2021).

Nơi cư trú: số 136/19, Trần Quang D, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Mai Hoàng N, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã Long Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn anh Mai Hoàng N: Anh Võ Trọng K, sinh năm 1978 (có mặt) (Giấy ủy quyền ngày 11/3/2019).

Nơi cư trú: số 07/11, Phan Thanh G, phường 3, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1954 (có mặt);
2. Chị Mai Cẩm L, sinh năm 1978 (vắng mặt);
3. Anh Mai Đại V1, sinh năm 2002 (vắng mặt);
4. Anh Mai Hoàng V2, sinh năm 1981 (vắng mặt);
5. Mai Thiên P1, sinh năm 2012;
6. Mai Nhật T1, sinh năm 2017.

Đại diện theo pháp luật của cháu P1, cháu T1: Anh Mai Hoàng V2, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã Long Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Mai Hoàng N.

- *Viện Kiểm sát nhân dân huyện P kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Mai Hoàng P trình bày:

Năm 1991 ông có đơn xin Nhà nước được cấp đất hoang hóa tại ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện P, tỉnh Tiền Giang và ông được cấp 02 lô đất với diện tích hơn 30.000m². Do diện tích đất được cấp quá định mức cho phép nên ông làm thủ tục lấy tên con trai là anh Mai Hoàng N để đứng tên, lúc này anh N mới 15 tuổi còn đi học. Từ năm 1991 ông khai hoang, trực tiếp canh tác diện tích 30.000m² đất này cho đến năm 2018. Do anh Mai Hoàng N đi học nên không có cùng ông canh tác sản xuất trên phần đất này. Do anh N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh N thế chấp Ngân hàng lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vì vậy năm 2014 ông kiện anh N ra Tòa án nhân dân huyện P để đòi lại đất, nhưng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh N đang thế chấp Ngân hàng nên ông rút đơn kiện. Ông đồng ý cho anh N 10.000m² trong số đất nêu trên nhưng anh N không đồng ý mà đòi lấy hết.

- Theo đơn khởi kiện, ông P yêu cầu anh Mai Hoàng N phải trả cho ông 02 thửa đất gồm: Thửa số 26, diện tích 27.550m² và thửa số 216, diện tích 2.450m² tại ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện P, tỉnh Tiền Giang; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C1523 do Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp cho anh Mai Hoàng N.

- Ngày 10/7/2019 ông Mai Hoàng P có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Mai Hoàng N phải trả cho ông 01 thửa đất số 26, diện tích 27.550m² tại ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện P, tỉnh Tiền Giang; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C1523 do Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp cho anh Mai Hoàng N ngày 16/6/1999.

- Ngày 01/8/2020 ông Mai Hoàng P có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Mai Hoàng N và các thành viên trong hộ gia đình phải trả cho ông phần đất có diện tích 15.529m² trong thửa số 26, tờ bản đồ C3, (có số thửa mới là 525, tờ bản đồ C2), tọa lạc tại ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện P, tỉnh Tiền Giang do anh Mai Hoàng N đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

C1523 do Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp ngày 16/6/1999. Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P thì phần diện tích đất còn lại hiện anh Mai Hoàng N đang canh tác có diện tích 10.964m² ông không yêu cầu trả; không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C1523 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 16/6/1999 cho hộ anh Mai Hoàng N; ông yêu cầu Tòa án kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C1523 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 16/6/1999 cho hộ anh Mai Hoàng N, cấp lại cho ông và anh Mai Hoàng N theo diện tích đất mỗi người được hưởng.

* Bị đơn anh Mai Hoàng N trình bày:

Vào năm 1993 cha anh là ông Mai Hoàng P đại diện gia đình có đơn xin Nhà nước được cấp đất hoang hóa tại ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện P, tỉnh Tiền Giang và được cấp 02 lô đất. Năm 1997 ông P được cấp quyền sử dụng đất do ông đứng tên với diện tích hơn 30.000m² và đến năm 1999 anh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01523/QSĐĐ/281/QĐUB ngày 16/6/1999 cũng có diện tích 30.000m². Sau khi được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông P dùng tiền bạc của gia đình để canh tác, cải tạo 02 lô đất nêu trên và hưởng huê lợi trên đất, không quan tâm gia đình, từ đó phát sinh mâu thuẫn và ông P chiếm luôn phần đất do anh đứng tên. Năm 2005 cha và mẹ anh ly hôn, ông P đã được chia 30.000m² đất khác nhưng ông P vẫn chưa thỏa mãn và còn chiếm luôn diện tích 30.000m² do anh đứng tên. Nay anh không đồng ý theo yêu cầu của ông P và yêu cầu ông P trả cho anh toàn bộ diện tích đất mà ông P đã chiếm giữ, anh tự nguyện trả lại cho ông P khoản tiền đào đất và cây trồng trên đất.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị T, chị Mai Cẩm L, anh Mai Hoàng V2 và anh Mai Đại V1 cùng có ý kiến thống nhất theo ý kiến của anh Mai Hoàng N.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Mai Hoàng P yêu cầu anh Mai Hoàng N và các thành viên trong hộ gia đình phải trả cho ông phần đất có diện tích 15.529m² trong số thửa 26, tờ bản đồ C3, (có số thửa mới là 525, tờ bản đồ C2), tọa lạc tại ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện P, tỉnh Tiền Giang do anh Mai Hoàng N đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C1523 do Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp ngày 16/6/1999.

- Ông Võ Trọng K - đại diện ủy quyền của bị đơn anh Mai Hoàng N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Hoàng P, vì phần đất này Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp quyền sử dụng đất cho hộ anh N là hợp pháp.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào các Điều 158, 160, 163, 164, 166, 221, 274, 278, 281, 351, 352, 356, 579, 580 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, 99, 100, 166, 169, 170, 203 của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân

sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Hoàng P.

Buộc anh Mai Hoàng N và các thành viên trong hộ gia đình phải trả cho ông Mai Hoàng P phần đất có diện tích 15.529m² trong số thửa 26, tờ bản đồ C3, (có số thửa mới là 525, tờ bản đồ C2), tọa lạc tại ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, (nay là Khu phố Mỹ Đ, thị trấn Mỹ P), huyện P, tỉnh Tiền Giang do anh Mai Hoàng N đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C1523 do Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp ngày 16/6/1999.

Phần diện tích đất còn lại 10.964m² trong số thửa 26, tờ bản đồ C3, (có số thửa mới là 525, tờ bản đồ C2) hộ anh Mai Hoàng N được tiếp tục sử dụng và canh tác.

Thực hiện việc giao trả khi án có hiệu lực pháp luật. Phần đất giao trả có sơ đồ kèm theo.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C1523 do Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp ngày 16/6/1999 cho anh Mai Hoàng N đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Hoàng P và hộ anh Mai Hoàng N theo diện tích thực tế ông Mai Hoàng P và hộ anh Mai Hoàng N được chia theo quyết định này.

2. Về án phí:

Anh Mai Hoàng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Mai Hoàng P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 19367 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 30/9/2020, bị đơn anh Mai Hoàng N có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ngày 10/10/2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện P có Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện P giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật. Căn cứ kháng nghị:

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ xác định được mức hạn điền do ông P cung cấp tại thời điểm cấp đất năm 1997 có đúng không; chưa làm rõ biên nhận đóng tiền 1.500.000 đồng của ông P cho Trại giam Mỹ Phước vào ngày 14/3/1991 là đóng tiền gì; lô đất số 14 có phải là lô đất hiện ông P đang tranh chấp với anh N hay lô đất đã được cấp cho ông P; thủ tục cấp thửa đất số 26, tờ bản đồ C2, C3 cho hộ anh N có đúng theo quy định của pháp luật không; thời điểm cấp đất cho hộ anh N ngày 16/6/1999 gồm những ai.

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Anh Võ Trọng K - đại diện theo ủy quyền của anh Mai Hoàng N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của anh N.

- Ông Phạm Hùng V – đại diện theo ủy quyền của ông Mai Hoàng P và ông Mai Hoàng P đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp phúc thẩm đã có thu thập bổ sung chứng cứ, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chưa thu thập chứng cứ đầy đủ; chưa làm rõ tại thời điểm ngày 13/02/1998 anh Mai Hoàng N có hộ khẩu ở đâu. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P và bà T xác định: khi ly hôn, ông bà không có kê khai diện tích đất tranh chấp. Theo ông P trình bày: lúc đó ông không biết nên không có kê khai; trong khi đó bà T xác định bà nghĩ rằng diện tích đất đó là của anh N nên không có tranh chấp. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2005/QĐ-HNST ngày 01/4/2005 của Tòa án nhân dân huyện P không thể hiện giữa bà T và ông P có thỏa thuận tài sản gì đối với phần đất tranh chấp hiện nay. Đề nghị hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại, chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của anh N.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mai Cẩm L, anh Mai Đại V1, anh Mai Hoàng V2, Mai Thiên P1, Mai Nhật T1 vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Mai Hoàng N và Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Mai Hoàng P cho rằng các thửa đất tranh chấp: Thửa số 26, diện tích 27.550m² và thửa số 216, diện tích 2.450m² tại ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện P, tỉnh Tiền Giang là do ông khai hoang vào năm 1991, ông khai hoang được 02 lô diện tích khoảng 06 mẫu, ông đã được cấp Giấy quyền sử dụng đất diện tích khoảng 30.000m², hơn mức hạn điền nên ông nhờ con là anh Mai Hoàng N đứng tên dùm,

hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ anh N do ông tự làm, ký tên thay anh N (Bút lục 135, 136).

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P cũng thừa nhận việc ông làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất tranh chấp cho anh N đứng tên là ông lách quy định của pháp luật. Anh N cũng thừa nhận hồ sơ đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh do cha anh – ông Mai Hoàng P tự làm; cha mẹ anh cho anh các thửa đất tranh chấp (Bút lục 110, 111, 136). Bà Đoàn Thị T xác định: Vào năm 2005 khi ông Mai Hoàng P với bà T ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đã không đề cập đến 02 thửa đất tranh chấp là thửa số 26 diện tích 27.550m² và thửa số 216 diện tích 2.450m² tại ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện P, tỉnh Tiền Giang vì ông P và bà xác định đã cho anh Mai Hoàng N phần đất này và anh N đã được đứng tên quyền sử dụng đất; cho nên bà và ông P mới thỏa thuận được với nhau về chia tài sản chung của vợ chồng theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2005/QĐ-HNST ngày 01/4/2005 của Tòa án nhân dân huyện P; nay ông P xác định 02 thửa đất tranh chấp là tài sản riêng của cá nhân ông P là không có cơ sở.

Tại Điều 13 Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ quy định: “Đối với đất vượt hạn mức của hộ gia đình, được giải quyết như sau: Nếu đất đang sử dụng là đất được giao hợp pháp trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 hoặc do khai hoang, vỡ hoá, thì được tiếp tục sử dụng và phải nộp thêm thuế bổ sung cho phần đất vượt hạn mức theo quy định của pháp luật. Thời hạn sử dụng phần đất vượt hạn mức của hộ gia đình bằng 1/2 thời hạn giao đất theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của bản Quy định này. Sau thời hạn đó, nếu hộ gia đình có yêu cầu tiếp tục sử dụng thì được Nhà nước cho thuê theo hợp đồng có thời hạn; nếu Nhà nước thu lại đất thì hộ gia đình được bồi hoàn theo quy định của Nhà nước”. Do đó, ông P cho rằng ông khai hoang 06 mẫu, được cấp quyền sử dụng đất 30.000 m², hơn mức hạn điền nên không thể được cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp là chưa có cơ sở.

Ông P cung cấp Biên nhận ngày 14/3/1991 (Bút lục 105) thể hiện Trại giam Mỹ Phước nhận của ông P số tiền 1.500.000 đồng tiền đất khai hoang lô số 14, để chứng minh rằng ông có khai hoang đối với đất tranh chấp. Tuy nhiên, tại Công văn số 99/CV-TGMP ngày 24/02/2021, Trại giam Mỹ Phước xác định: “hiện nay đơn vị không còn lưu trữ bất cứ tài liệu gì có liên quan đến việc cấp đất và nhận tiền của ông Mai Hoàng P. Đồng chí Hiệp đã chuyển công tác từ năm 2013, đến năm 2019 đồng chí đã từ trần”. Do đó, chưa có đủ chứng cứ xác định diện tích đất tranh chấp là lô đất số 14 ông P khai hoang đóng tiền cho Trại giam Mỹ Phước. Ông P cũng cho rằng ông nhờ anh Mai Hoàng N đứng tên dùm, nhưng anh N không thừa nhận, mà anh N cho rằng do cha mẹ là ông P, bà T cho anh N phần đất tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ ý kiến của bà Đoàn Thị T như thế nào đối với lời khai của ông P, anh N.

Hơn nữa, tại thời điểm ông P khai hoang các thửa đất tranh chấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà Đoàn Thị T vẫn còn tồn tại; đến năm 2005 bà T và ông P ly hôn. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ ý kiến của bà T, ông P như

thể nào đối với các thửa đất tranh chấp với anh N, việc khai hoang này là chỉ 01 mình ông P hay vợ chồng ông P, bà T cùng khai hoang; yêu cầu của bà T như thế nào đối với các thửa đất này, có yêu cầu xác định tài sản chung hay không, mà lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P xác định các thửa đất tranh chấp là của ông P, buộc anh N phải trả; như vậy chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà T.

Theo hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cấp cho hộ anh Mai Hoàng N (Bút lục 81 đến 86) thể hiện: Tại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/02/1998 của anh Mai Hoàng N thể hiện cá nhân anh N đăng ký cấp giấy chứng nhận (Bút lục 85), nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01523 QSDĐ/281/QĐUB do UBND huyện P cấp ngày 16/6/1999 lại cấp cho hộ anh N (Bút lục 03, 04). Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất cấp cho hộ anh Mai Hoàng N ngày 16/6/1999 thì hộ anh N gồm những ai, họ có ý kiến như thế nào đối với yêu cầu khởi kiện của ông Mai Hoàng P về việc buộc anh N trả diện tích 15.529m² trong số thửa 26, tờ bản đồ C3, (có số thửa mới là 525, tờ bản đồ C2), tọa lạc tại ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, (nay là Khu phố Mỹ Đ, thị trấn Mỹ P), huyện P, tỉnh Tiền Giang; trên cơ sở đó đưa họ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót.

Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên : “Buộc anh Mai Hoàng N và các thành viên trong hộ gia đình phải trả cho ông Mai Hoàng P phần đất có diện tích 15.529m²”; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định các thành viên trong hộ anh N gồm những ai là không đảm bảo khi thi hành án, đồng thời cũng không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của họ đối với 02 cấp xét xử của Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ 02 thửa đất tranh chấp do anh N đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất là tài sản chung của hộ anh N hay tài sản chung của vợ chồng ông P, bà T hoặc tài sản riêng của cá nhân anh N và cũng chưa làm rõ công sức bồi thổ làm tăng giá trị đất của ông P, không định giá tài sản trên đất, là chưa đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 16/6/1999 cấp cho hộ anh Mai Hoàng N có số là 01523 QSDĐ/281/QĐUB (Bút lục 04, 21), nhưng khi khởi kiện ông P yêu cầu anh N trả lại đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là số C1523 QSDĐ/281/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 16/6/1999 cấp cho hộ anh Mai Hoàng N là không đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh N đại diện hộ đứng tên. Tòa án cấp sơ thẩm thiếu kiểm tra, nên tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên: “Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C1523 do Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp ngày 16/6/1999 cho anh Mai Hoàng N đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng và” là không đúng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: án sơ thẩm có thiếu sót khi thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, không đưa đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng; mà các thiếu sót này Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; cần thiết hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ

thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Do hủy án sơ thẩm, nên yêu cầu kháng cáo của anh N chưa đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên anh Mai Hoàng N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 10/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện P giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Các bên đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn lại anh N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20619 ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 45 phút ngày 14/12/2021, có mặt ông Mai Hoàng P, anh Võ Trọng K.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện P;
 - THADS huyện P;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2021-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung